

Số: 92 /BCTN-TrMN

An Châu, ngày 29 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Mầm non Diễn An

2. Địa chỉ: Trường có 1 cơ sở. Công chính: Xóm 2 xã Diễn An, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An

Số điện thoại: 0369176338

Trang thông tin điện tử Website: <https://mamnondienan.dienchau.edu.vn>

3. Loại hình trường: Trường hoạt động theo quy chế tổ chức của trường công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của đơn vị

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; đổi mới quản trị trường học; có giải pháp phù hợp, kịp thời để thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em; tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện để triển khai Chương trình GDMN mới theo kế hoạch của Bộ; tổ chức cho trẻ em mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định và sự tự nguyện của gia đình trẻ.

Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN; đưa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển GDMN, thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào các văn kiện, Nghị quyết của Đại hội Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 của địa phương để triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN; tham mưu đầu tư nguồn lực và thực hiện giải pháp xã hội hoá giáo dục bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, lộ trình thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại địa phương.

Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng GDMN, phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non. Nâng cao chất lượng, phát triển đội CB quản lý, GV mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới; kịp thời báo cáo, rà soát, tham mưu cấp trên nhằm thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; bố trí đủ số lượng GV mầm non theo định mức quy định để thực hiện Chương trình GDMN.

Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho tất cả đối tượng trẻ em mầm non; thực hiện hiệu quả công tác

giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; công tác tuyên truyền về GDMN và tăng cường hợp tác quốc tế. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền và đúng quy định.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của đơn vị

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển trường gặp không ít khó khăn, các lớp học, nhóm trẻ được đặt rải rác tại các nhà văn hóa thôn, xóm, cơ sở vật chất nghèo nàn, thiếu thốn, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên thay đổi theo từng năm không ổn định. Song với sự nỗ lực, phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cùng sự quan tâm giúp đỡ của lãnh đạo địa phương, các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, đến nay trường đã có 1 điểm trường tập trung với tổng diện tích là 5301,1m², trong đó diện tích văn phòng là 70 m², diện tích các phòng học đủ 55 m², diện tích sân chơi là 1500 m². Năm học 2025-2026 nhà trường có 8 phòng học kiên cố và 3 phòng học bán kiên cố, diện tích mỗi phòng học đủ 55m², các phòng học được trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi, học liệu phong phú đảm bảo tính an toàn và khoa học. Trường có 11 nhóm/ lớp (2 nhóm trẻ, 3 lớp 3 tuổi, 3 lớp 4 tuổi, 3 lớp 5 tuổi với 313 học sinh). Nhà trường có tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 33 người, trong đó có 3 CBQL, người 20 giáo viên, có 10 nhân viên (Kể cả nhân viên hợp đồng).

Trường MN Diễn An nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Năm học 2019-2020 đạt danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc, năm 2025-2026 đạt tập thể LĐTT. Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2012, Đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 3 năm 2017 và công nhận lại Chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2020. Nhà trường đang nỗ lực từng bước, phấn đấu đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào năm học 2026-2027.

Năm học 2025-2026, đầu năm trường có 315, cuối năm còn 313 giảm 2 cháu so với đầu năm cháu chuyển trường, học sinh từ 24 -72 tháng tuổi gồm 2 nhóm trẻ và 9 lớp mẫu giáo,

Nhóm – lớp	Số nhóm -lớp	Số học sinh	Số giáo viên	Nhân viên
Nhóm 24 th - 36 th	02	58	4	1
Lớp 3-4 tuổi	03	72	5	2
Lớp 4-5 tuổi	03	87	5	2
Lớp 5-6 tuổi	03	96	6	2
Tổng cộng	11	313	20	7

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Lê Thị Thúy Oanh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Diễn An

Điện thoại: 0369 176 338. Gmail: mndienan.dc@nghean.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường được thành lập vào năm 1960, tiền thân là Trường mẫu giáo Diễn An, năm 1992 hợp nhất nhà trẻ và mẫu giáo và được đổi tên thành trường Mầm non Diễn An. Năm học 2011- 2012 trường được chuyển đổi thành Trường Mầm non công lập tự chủ 1

phần kinh phí theo QĐ số 1002/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND huyện Diễn Châu

b. Các quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục.

- Hiệu trưởng là Bà Lê Thị Thúy Oanh được luân chuyển về làm hiệu trưởng theo Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 20/8/2024;

- Có 2 phó hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Thành được luân chuyển về làm phó hiệu trưởng theo quyết định 281/QĐ-UBND ngày 15/8/2024;

- Bà Nguyễn Thị Vinh được bổ nhiệm PHT bổ nhiệm lại theo Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 15/08/2024.

c. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

Trường Mầm non Diễn An là trường công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động do Phòng VH & XH xã An Châu trực tiếp quản lý chỉ đạo. Hoạt động giáo dục của nhà trường thực hiện theo mục tiêu, nguyên lý, phương châm giáo dục của Đảng, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục dựa theo các văn bản của nhà nước và Bộ Giáo dục - Đào tạo hàng năm. Nhà trường có kế hoạch hoạt động để thực hiện nhiệm vụ năm học theo các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT, chỉ thị của UBND xã, và hướng dẫn của phòng VH & XH xã An Châu.

- Chi bộ của nhà trường trực thuộc Đảng bộ xã An Châu, chi bộ đảng lãnh đạo trực tiếp và toàn diện việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Chi bộ hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật.

- Lễ lối làm việc và quan hệ công tác trong Trường Mầm non Diễn An phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

1. Hiệu trưởng là người lãnh đạo và đứng đầu nhà trường; thực hiện quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Phòng VH &XH và UBND xã An Châu về toàn bộ công việc thuộc chức năng thẩm quyền của mình kể cả khi đã phân công hoặc uỷ nhiệm cho Phó Hiệu trưởng.

2. Phó Hiệu trưởng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo những nhiệm vụ công tác của nhà trường do Hiệu trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và các cấp quản lý về lĩnh vực công tác được giao kể cả khi đã phân công cho Tổ trưởng giải quyết.

3. Các tổ trưởng tổ chuyên môn có trách nhiệm:

- Tham mưu đề xuất những biện pháp giúp hiệu trưởng thực hiện tốt những quy định của quy chế này;

- Chấp hành và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động trong tổ.

- Thực hiện nghiêm túc lễ lối làm việc trong tổ, giữa các tổ với nhau và tổ chuyên môn với nhà trường; thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của tổ và những quy định của Luật giáo dục, Điều lệ nhà trường.

4. Trong chỉ đạo và điều hành công việc, Lãnh đạo nhà trường và các Tổ trưởng thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chế độ thủ trưởng, đồng thời phát huy tinh thần chủ động, tính sáng tạo, ý thức trách nhiệm cá nhân của từng cán bộ, giáo viên, đảm bảo trật tự kỷ cương của nhà trường.

5. Lãnh đạo nhà trường, cán bộ, công chức, viên chức trong trường làm việc căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật và phải có kế hoạch, lịch làm việc.

6. Tập thể nhà trường phải bảo đảm thống nhất trong công tác chỉ đạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tham mưu và quản lý, thực hiện chủ trương cải cách hành chính,

không gây phiền hà cho phụ huynh, học sinh và đồng nghiệp.

e. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục ; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường:
- Kế hoạch số 98a /KH-TMN ngày 20/09/2025 kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2035. Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 124 /QĐ-TMN ngày 27/9/2025 về việc Về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường” Năm học: 2025-2026.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trường gồm 33 người (Biên chế: 25, hợp đồng trường 8) trong đó:

	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo			Tỷ lệ hoàn thành b i đur ng hằng năm theo quy định
			Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuân	
Hiệu trưởng	01	01	0	01	01	01/01; TL 100%
Phó.HT	02	02	0	02	02	02/02; TL 100%
Giáo viên	20	20	0	20	17	17/20; TL 85 %
Nhân viên	2	2	0	2	1	01/2; TL 50%
Cộng	25	25	0	25	21	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Được đánh giá: Tốt
- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng được đánh giá: 22 (trong đó Tốt: 17/22 = 77%; Khá 05 /22 = 23 %).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	8	
2	Phòng học bán kiên cố	3	
3	Phòng học tạm	0	-

4	Phòng học nhờ	0	-	
III	Số điểm trường	1	-	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	5301,1 m ²	15,5 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	1500 m ²	4 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng			
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	55 m ²	1,8 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	30 m ²	0,9 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	700 m ²	2 m ²	
5	Diện tích phòng nghệ thuật	55 m ²		
6	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	180 m ²		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	433	bộ/11 nhóm lớp	
1	Số thiết bị đồ dùng đồ chơi hiện có theo quy định	433	bộ/11 nhóm lớp	
2	Số thiết bị đồ dùng đồ chơi còn thiếu so với quy định	150	bộ/8 nhóm lớp	
VII I	Tổng số đồ chơi ngoài trời	26		
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, v.v...)	6 máy tính		
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	-Ty vy: 13 - Máy in: 4 - Bàn ghế: 510	Số thiết bị/nhóm (lớp)	
	Số lượng (m ²)			
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em
		Chung Nam/Nữ	Chung nam/Nữ	Chung nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20 m ²	240 m ²	1,2 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		30 m ²	0,4 m ²

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Đơn vị được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 2910/QĐ- UBND ngày 03 tháng 08 năm 2012 của ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 944 /QĐ- UBND ngày 31 háng 07 năm 2017 của sở GD&ĐT tỉnh Nghệ An

- Năm học 2025-2026, tiếp tục chỉ đạo Cải tiến chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá. Lưu trữ hồ sơ, xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn rà soát các chỉ số tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm thực hiện quy trình đúng tiến độ đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục, hiệu quả đồng thời nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ trong thực hiện kế hoạch, các biện pháp cải tiến và đảm bảo chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục

a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh: Năm học: 2025-2026

Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo kế hoạch số 51/KH-MN-BTĐB ngày 26 tháng 5 năm 2025, có quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh. Có tổ chức công khai trên trang web và công khai tại bản tin của nhà trường.

Đối tượng tuyển sinh:

- Trẻ sinh năm 2020; 2021; 2022; 2023 có hộ khẩu, hoặc tạm trú trên địa bàn các thôn xóm thuộc xã Diễn An.

Chỉ tiêu tuyển sinh:

Tổng số lớp: 11 nhóm lớp trong đó Nhà trẻ: 2 nhóm; Mẫu giáo: 9 lớp (Lớp MG 3-4 tuổi: 3 lớp; MG 4-5 tuổi: 3 lớp; MG 5-6 tuổi: 3 lớp)

Thời gian tuyển sinh:

- Ngày 10/06/2025: Nhà trường tiến hành nhận hồ sơ tuyển sinh trực tiếp tại trường
(Lưu ý: Nhà trường nhận tất cả các hồ sơ trẻ có nhu cầu).

b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục:

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

Công khai trên cổng thông tin điện tử kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước; kế hoạch giáo dục tuần/ngày;

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội:

Nhà trường thực hiện Quy chế phối hợp với các ban ngành trong công tác giáo dục (Quy chế phối hợp số 160 /QCPH - Các ban ngành ngày 10/11/2025);

d. Thực đơn hằng ngày của trẻ em:

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng bữa ăn của trẻ bảo đảm tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định. Xây dựng thực đơn hàng ngày trên phần mềm, đạt khẩu phần theo quy định gồm 2 bữa chính và 1 bữa phụ cho trẻ bán trú, khẩu phần cả ngày cho trẻ luôn đạt 50% - 51% cho trẻ mẫu giáo và 62% - 63% cho trẻ nhà trẻ.

Công khai trên cổng thông tin điện tử dự kiến thực đơn hàng tuần của trẻ em trước ngày thứ Bảy của tuần trước;

đ. Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định

Nhà trường tổ chức các lớp học ngoại khóa theo quy định tại *Nghị quyết số 31/NQ-HĐND quy định mức thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An;*

- Lớp học ngoại ngữ: 21,060 đ trẻ/tiết

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm học 2025-2026:

ST T	Nội dung	Tổng g số tr ẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em					
2	Số trẻ em 2 buổi/ngày	313	58	72	87	96
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	02	0	0	02	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	313	58	72	87	96
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	315	56	74	89	96
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	313	58	72	87	96
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	Số trẻ cân nặng bình thường	310	58	72	85	95
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	2	0	0	02	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	304	56	70	82	96
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	9	2	2	5	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	1	0	0	0	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục					
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	58	58			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	255		72	87	96

VI. KẾT QUẢ CHI TÀI CHÍNH

I. Báo cáo thu – chi tài chính năm học 2025-2026

A	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TL % ĐẠT CÒN DƯ
I	THU - CHI NGÂN SÁCH			
A	PHẦN THU	5.632.074.180	5.632.074.180	

1	Chi lương và các khoản đóng góp	4.439.448.000	4.439.448.000	
2	Nguồn thường xuyên chi khác	375.000.000	375.000.000	
3	Nguồn chế độ chính sách cho học sinh	564.198.090	564.198.090	
4	Nguồn khen thưởng NĐ73	253.428.090	253.428.090	
B	PHẦN CHI		2.594.715.200	
1	Chi lương và các khoản đóng góp T1-T6.2026		2.160.622.800	2.278.825.200
2	Chi thường xuyên khác: Điện sáng, đặt báo, tham quan học tập ở MN Cổ Loa, trang trí lễ hội mừng xuân, văn phòng phẩm, sửa đồ gỗ các lớp, phô tô, sửa thoát nước, khu vực vệ sinh các lớp, mua bồn đựng nước, tập huấn, gia hạn phần mềm quản lý văn bản, mua máy tính HP, cước mạng VNP, phần mềm Misa, bảng biểu sân trường, thưởng trẻ cuối năm		162.512.400	212.487.600
3	Nguồn chế độ chính sách cho học sinh kỳ 2: Chi phí học tập: 1.500.000đồng; Hỗ trợ ăn trưa: 8.000.000đồng; Cấp bù học phí: 262.080.000đồng		271.580.000	292.618.090
4	Nguồn khen thưởng NĐ73		0	253.428.090
	Cân đối thu - chi	-		3.037.358.980
II	THU - CHI NGUỒN HỌC PHÍ 2025-2026			
1	<i>Dư Học phí năm học 2024-2025 mang sang</i>		5.980.000	
2	<i>Thu học phí</i>	793.800.000	262.080.000	
	Thu cấp bù học phí từ nguồn NS HK I			
	Thu cấp bù học phí từ nguồn NS HK II - Tạm tính		262.080.000	
3	Chi từ nguồn học phí		115.365.800	

a	Chi lương từ nguồn học phí		0	
	Chi lương từ nguồn học phí T9/2025- 12/2025		0	
	Chi lương từ nguồn học phí T1/2026 - 06/2026		0	
b	Chi tăng cường CSVC, hoạt động TX		115.365.800	
1	Chi chuyên môn, tăng cường CSVC T9-T12/2025 (Chi Bảo vệ T10, Bảo hiểm cháy nổ)		4.800.000	
2	Chi chuyên môn, tăng cường CSVC T1-T6/2026 (Hợp đồng Bảo vệ T1-T6, mua giá để đồ chơi học liệu, sửa máy tính, hộp mực, vi rút Bkav, mua sơn màu....)		110.565.800	
3	Tiết kiệm chi học phí để trích lập các quỹ kỳ 1		0	
4	Tiết kiệm chi học phí để trích lập các quỹ kỳ 2		0	
	Cân đối thu - chi			152.694.200
III	Thu chi từ nguồn tài trợ GD năm học 2025-2026			
1	Dư tiền tài trợ năm học 2024-2025 mang sang		401.064	
2	Phụ huynh ủng hộ		0	
3	Chi tài trợ		20.000	
	Phí chuyển khoản		20.000	
	Cân đối thu - chi			381.064
IV	Thu chi từ nguồn thỏa thuận bán trú			Đạt 99,2%
1	Dư tiền TTBT năm học 2024-2025 mang sang		69.000	
2	Thu thỏa thuận BT năm học 2025-2026	371.385.000	368.421.000	
	Thu T 9/2025 - T12/2025(315 em X 119.000 X 4T)	149.940.000	148.988.000	
	Thu mua sắm vật dụng dùng chung (315 em X	34.020.000	33.912.000	

	108.000)			
	Thu T1/2026 - T5/2026(315 em X 119.000 X 5T)	187.425.000	185.521.000	
3	Chi thỏa thuận bán trú	372.285.000	368.490.000	
	Chi lương Dinh dưỡng T9/2025 - T12/2025	126.400.000	126.400.000	
	Chi lương Dinh dưỡng T1/2026 - T5/2026	158.000.000	158.000.000	
	Chi mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho trẻ bán trú	34.020.000	34.018.400	
	Đồ dùng vệ sinh phục vụ bán trú của trẻ	26.350.000	26.310.400	
	Phần mềm bán trú	2.000.000	2.000.000	
	Hợp đồng nước, nước uống tăng thêm	25.515.000	21.695.200	
	Phí duy trì TK kì 1	0	66.000	
	Phí duy trì TK kì 2	0	0	
	Cân đối thu - chi			0
V	Thu chi từ nguồn tiền ăn			Đạt 100%
1	Dư tiền ăn năm học 2024-2025 mang sang		6.422	
2	Thu tiền ăn	920.000.000	911.338.116	
	Thu T 9/2025 - T12/2025		425.786.000	
	Nhập lại vốn kỳ 1		76.669	
	Nhập lại vốn kỳ 2		195.447	
	Thu T1/2026 - T5/2026		485.280.000	
3	Chi tiền ăn năm học	920.000.000	911.261.800	
	Chi HK I	-	293.089.000	
	Trả HS kỳ 1		234.000	
	Trả HS tiền ăn thừa sau khi đã quyết toán tháng 5		11.300.000	
	Chi HK II		606.638.800	
	Cân đối thu - chi			82.738
VI	Thu chi từ nguồn tiếng anh			Đạt 100%
1	Dư tiền tiếng anh năm học 2024-2025 mang sang		3.706.900	
2	Thu tiền tiếng anh		155.960.000	

3	Chi tiền tiếng anh		149.604.952	
	Chi trung tâm ODC và học liệu trung tâm		120.053.500	
	Chi tăng cường CSVC		0	
	Chi giáo viên trợ giảng		13.788.096	
	Chi quản lý, giám sát và công tác thu		13.788.096	
	Thuế TNDN		718.130	
	Thuế GTGT		718.130	
	Phí chuyển tiền kỳ 1		330.000	
	Phí chuyển tiền kỳ 2		209.000	
	Cân đối thu - chi			10.061.948
VII	Nguồn trích lập các quỹ			
1	Dư năm học 2024-2025 mang sang	-	2.633.536	
2	Trích lập trong năm học 2025-2026		60.046.400	
	Trích lập nguồn ngân sách năm 2025		60.046.400	
	Trích lập từ nguồn học phí cấp bù		0	
3	Chi tiền trích lập các quỹ trong năm học 2025-2026		49.725.000	
	Chi quà tết cho giáo viên		12.500.000	
	Quà 20/11 cho giáo viên		12.500.000	
	Hỗ trợ hiến máu		700.000	
	Cước vận chuyển GV đi tham quan Cửa Lò		3.500.000	
	Thuê máy trồng cây sau bão		2.625.000	
	Chi khen thưởng		5.100.000	
	Mua chè nấu nước		2.700.000	
	Bảo vệ T11, 12		7.600.000	
	Cháu tham quan Tiểu học, lễ 8/3...		900.000	
	Bổ sung CSVC		1.600.000	
	Cân đối thu - chi			12.954.936
VIII	Thu - chi tiền CSSKBĐ			
1	Dư tiền CSSKBĐ năm học		18.568.272	

	2024-2025 mang sang			
2	Thu tiền CSSKBĐ năm học 2025-2026		20.100.710	
	Nhập vốn kỳ 1		45.016	
	Trên cấp		19.943.820	
	Nhập vốn kỳ 2		111.874	
3	Chi tiền CSSKBĐ năm học 2025-2026		21.180.000	
	Chi mua thuốc y tế, thuốc muối, thuốc bảo vệ thực vật, đồ dùng y tế....		21.120.000	
	Phí chuyển khoản		60.000	
	Cân đối thu - chi			17.488.982
IX	Thu chi từ nguồn AEBOBIC			Đạt 100%
1	Dư năm học 2024-2025 mang sang		0	
2	Phần thu		82.829.000	
3	Phần chi		80.668.592	
	Chi công ty Sao Vàng		62.121.800	
	Chi giáo viên trợ giảng		7.951.584	
	Chi quản lý, giám sát và công tác thu		7.951.584	
	Thuế TNDN		414.145	
	Thuế GTGT		414.145	
	Chi từ nguồn CSVC		1.788.000	
	Phí chuyển tiền		27.334	
	Cân đối thu - chi			2.160.408

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ

- Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng cho đội ngũ về các chuyên đề trong năm: “Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử”; “Xây dựng trường, lớp MN Hạnh phúc” Chuyên đề “Ứng dụng PPGD tiên tiến Steam, Unit, Montesori”...

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ phát triển chương trình, nhằm nâng cao chất lượng GD đại trà, xây dựng đội ngũ CBQL, GV giỏi, có khả năng lan tỏa chuyên môn nghiệp vụ tốt. Khuyến khích CBQL, giáo viên trong trường tự học, tự cập nhật tài liệu bồi dưỡng thường xuyên dành cho GV tại cổng thông tin điện tử của Bộ.

- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn: Chỉ đạo các Tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên hai lần/tháng, các thành viên trong Tổ nắm bắt trước nội dung sinh hoạt để chuẩn bị ý kiến thảo luận trọng tâm và đạt hiệu quả.

- Tạo điều kiện cho CBQL và GV cốt cán được đi tập huấn ứng dụng PPGD Steam, công nghệ số AI trong giảng dạy, tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng sư phạm và dự các chuyên đề của phòng VH&XH tổ chức, tham quan học tập trường bạn. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên theo đợt, để củng cố các kiến thức về chuyên môn nhằm giúp cho giáo viên của trường nắm vững cách thức cách XD “*Xây dựng trường mầm non hạnh phúc*” và “*Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm*”,

2. Thực hiện hiệu quả các cuộc vận động và các phong trào thi đua:

- Ban giám hiệu đã chỉ đạo CB, GV, NV trong nhà trường tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động, các phong trào thi đua, Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM*”. Đưa nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua thành những hoạt động thường xuyên, tự giác trong đơn vị, gắn với các phong trào thi đua. Chỉ đạo nghiêm túc việc thực hiện công tác tự đánh giá chuẩn HT, PHT và chuẩn nghề nghiệp giáo viên, để CBQL và giáo viên nhận thức được năng lực chuyên môn của mình và tự trau dồi năng lực chuyên môn của bản thân. Toàn trường không có giáo viên, nhân viên nào vi phạm quy chế chuyên môn và những điều giáo viên, nhân viên không được làm. Trong các buổi họp Chi bộ, họp Hội đồng nhà trường và sinh hoạt chuyên môn, thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở CB, GV, NV thực hiện tốt các cuộc vận động do cấp trên đề ra.

- Thực hiện nghiêm túc Thông tư 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30/01/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo. Làm việc có khoa học, ứng xử có văn hóa trong giao tiếp, tận tụy với nhiệm vụ được giao, tích cực học tập, tâm huyết với nghề.

- Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt công tác hoạt động từ thiện: Ủng hộ quỹ vì người nghèo; Quỹ xã hội, Quỹ vì biển đảo; quỹ nhân đạo, quỹ phòng chống thiên tai, phong trào hiến máu nhân đạo...

- 100% CB, GV, NV thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp. Tạo mọi điều kiện và cơ hội động viên, khuyến khích giáo viên, CBQL học tập và sáng tạo; đội ngũ nhà giáo luôn tâm huyết sáng tạo, tận tụy yêu nghề mến trẻ. Không có CB, GV, NV vi phạm đạo đức nhà giáo.

Với sự phát triển tốc độ nhanh về CNTT của cả nước ở mức độ 4.0, thì đối với CB, VG, NV của nhà trường cũng đã có nhiều cố gắng, nỗ lực hết mình nhanh chóng tiếp cận phương pháp mới, những công nghệ cao để đưa CNTT của nhà trường ngày một đi lên. Cho đến nay phong trào vẫn tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh, tập thể CB, GV, NV nhà trường vẫn đang tiếp tục bồi dưỡng và không ngừng học tập, để trau dồi hơn nữa, nhằm nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT vào công tác chuyên môn của bản thân và ứng dụng có hiệu quả vào công tác quản lý và chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Tăng cường truyền thông về Giáo dục mầm non:

- Nhà trường đã thực hiện tốt việc đẩy mạnh hoạt động truyền thông, nhằm triển khai, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ, Sở về đổi mới và phát triển GDMN. Thường xuyên phối hợp với UBND xã, các ban ngành đoàn thể của địa phương, đài truyền thanh của xã, các bậc phụ huynh để tuyên truyền về các hoạt động của nhà trường như tổ chức các ngày hội ngày lễ (Khai giảng năm học

mới, Tết trung thu, 20/11, 8/3...), công tác tuyển sinh, kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ; đồng thời tôn vinh các tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp phát triển GDMN của nhà trường, của Huyện. Đã thực hiện lồng ghép các nội dung tuyên truyền trực tiếp thông qua các buổi họp CMHS 3 lần/năm để tuyên truyền về chương trình dạy trẻ các độ tuổi; Đề án giáo dục mầm non; Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi và các biện pháp nuôi dạy con khoa học, cách phòng tránh dịch bệnh....

- Đã thành lập Ban đại diện của CMHS lớp và của trường, các nhóm Zalo, Facebook của trường, các nhóm lớp để trao đổi thông tin 2 chiều với phụ huynh kịp thời và thực hiện việc đăng tải các nội dung cần trao đổi, thống nhất phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao

- 100% CBQL, GV, NV trong trường đã biết khai thác các nền tảng công nghệ, để truyền thông nâng cao về nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ. Đẩy mạnh phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ bằng nhiều hình thức, đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng về chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý để phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất và phòng chống dịch bệnh.

- 100% các nhóm lớp đều có bảng tin, chuyên mục Album hình ảnh đẹp, để truyền thông giới thiệu quảng cáo về nhà trường, điều kiện và các hoạt động, chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Hầu hết GV các nhóm, lớp đã biết đẩy mạnh và đổi mới hình thức truyền thông, giới thiệu quảng cáo về lớp, nhà trường, điều kiện và các hoạt động, chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng GD trẻ... trên các phương tiện truyền thông như: Bảng tin của lớp, nhóm Zalo, nhóm Facebook...

- Nhân viên Y tế của nhà trường đã thực hiện việc phối kết hợp với GV các lớp, để làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống dịch, chế độ dinh dưỡng cân đối giúp trẻ phát triển thể chất; Phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, hoạt động vận động, đối với trẻ SDD và trẻ thừa cân, béo phì.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số.

- Công khai trên cổng thông tin điện tử nhà trường hình ảnh các hoạt động như: tuyển sinh, đoàn thể, bài viết tuyên truyền, tin tức sự kiện...

- Sử dụng Hồ sơ số lưu trữ kế hoạch giáo dục của giáo viên, các hồ sơ nhà trường

- Tiếp tục phát huy, đẩy mạnh phong trào thiết kế các video hướng dẫn nhằm phục vụ hoạt động giáo dục trẻ bằng các phần mềm, ứng dụng như: PowerPoint; Canva, Capcut, Viva video, Mind Meneger một cách hiệu quả.

- Thực hiện tốt việc cập nhật kho dữ liệu bài giảng trực tuyến chung của nhà trường.

- Nhà trường ứng dụng các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý trường học, lập kế hoạch, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú, quản lý Chương trình GDMN của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để đảm bảo chất lượng quản lý như: Imas (Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp), Nutifood (Cân đo trẻ), Epmis (Cập nhật thông tin nhân sự), phần mềm quản lý sáng kiến, phần mềm tính khẩu phần bán trú, phần mềm kiểm định chất lượng, TEMIS (phần mềm đánh giá Chuẩn nghề nghiệp)... Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch giáo dục và mạng nội bộ.

- 96,5% CB-GV sử dụng và áp dụng việc thiết kế các bài giảng bằng các phần mềm

tốt trong công tác tổ chức các hoạt động giáo dục tại lớp.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ giữa gia đình - nhà trường và cộng đồng, tuyên truyền để cha mẹ trẻ tham gia tích cực các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ số trong công tác quản trị nhà trường, điều hành và thiết kế hoạt động giáo dục; Phần mềm online.

***Quản lý văn bản.**

1. <https://pgddienchau.vnptioffice.vn/> (hệ thống văn bản)
2. <http://mndienan.dc@nghean.edu.vn> (Hộp thư điện tử của trường)
3. <https://mamnondienan.dienchau.edu.vn/> (Trang Website của trường)
4. chuyenmondienan@gmail.com (Hộp thư điện tử của chung)

***Quản lý chất lượng, nhân sự.**

1. <https://csdl.moet.gov.vn> (Cơ sở dữ liệu ngành)
2. <https://temis.csdl.edu.vn/temis> (đánh giá chuẩn nghề nghiệp)
3. <https://cbccvc.nghean.gov.vn> (Hệ thống quản lý cán bộ công chức viên chức tỉnh Nghệ An)
4. <http://esqm.nghean.edu.vn> (Chuyên môn GV giỏi, SKKN, BDTX, chuẩn nghề nghiệp)

***Quản lý tài chính, tài sản, chất lượng học sinh.**

1. <https://emisapp.misa.vn> (MISA EMIS SISAPtổng quan, nền tảng giáo dục sử dụng Các khoản thu, điểm danh, chấm suất ăn của trẻ)
2. <https://qlmn.vn/> (phần mềm dinh dưỡng Viettec)
3. <https://www.bidv.vn/> (Tài khoản các khoản thu, chi)
4. <https://dvc.vst.mof.gov.vn> (dịch vụ công, quản lý các khoản thu chi)
5. <https://dichvucong.baohiemxahoi.gov.vn> (Bảo hiểm xã hội)
6. <https://vnedu.vn/> (Hệ sinh thái Giáo dục số vnEdu - chìa khóa giải quyết bài toán chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục, nâng cao trải nghiệm và chất lượng công việc)
7. <https://pcgd.moet.gov.vn> (Phổ cập giáo dục-xóa mù)
8. <https://smas.edu.vn> (Hệ thống quản lý nhà trường)
9. <https://suckhoe.hspt.vn/auth/login> (Theo dõi sức khỏe học sinh)
10. <https://eos.edu.vn> (kiểm định chất lượng)
11. <https://kktsc.mof.gov.vn/> (kê khai tài sản công)

+ Chữ ký số.

+ Cập nhật mã định danh cho trẻ.

Danh hiệu thi đua trường đạt được trong năm

- 1.Trường đạt: Tập thể lao động tiên tiến
- 2.Chi Bộ “ Hoàn thành tốt nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2026”
3. Đoàn thanh niên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2026 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường mầm non Diễn An.

Nơi nhận:

- Phòng VH&XH (để B/c);
- ĐU, HĐND, UBND xã An Châu (B/c);
- CBGVNV trong trường (để T/h);
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thúy Oanh